

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LẠC
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29-8-2024

V/v tranh chấp "Tranh chấp ly hôn,
nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huế

Ông Nông Văn Nghiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Mạc Thị Thời - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 đối với các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Chảo Thị N, sinh năm 1999 (Có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Nông Văn T, sinh năm 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Chảo Thị N trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện về chung sống với nhau. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Anh chị sống chung tại nhà bố mẹ anh T ở xóm B, xã H. Cuộc sống chung ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn từ cuối năm 2021 khi chị phát hiện anh T sử dụng ma túy; Chị có nhắc nhở anh T từ bỏ ma túy nhưng anh T không nghe. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Ngày 30/7/2022 anh T bị Công an bắt về tội ma túy. Khi Tòa án

nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử, chị có đến tham dự phiên tòa, anh T bị xử phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Sau khi anh T bị bắt và đi chấp hành án phạt tù, chị vẫn sống chung tại nhà bố mẹ chồng. Tuy nhiên, cuộc sống chung không hòa thuận nên chị thường xuyên về nhà bố mẹ đẻ. Đến tết Nguyên đán năm 2024 chị về nhà bố mẹ đẻ tại xóm N, xã H sinh sống đến nay. Hiện nay, anh T đang chấp hành án tại đội 9, phân trại 3, Trại giam N1, Bộ C. Chị xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh T không còn nên yêu cầu được ly hôn.

* Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Nông Thị Kim O, sinh ngày 06/9/2020. Hiện nay cháu O đang sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nông Văn T trình bày: Hiện nay anh đang cải tạo tại Trại giam N1, tỉnh Bắc Giang.

* Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung do anh không quan tâm, không chăm lo cho gia đình và vợ con. Hiện nay, anh đang đi cải tạo, anh xác định không còn tình cảm với chị N và đồng ý ly hôn.

* Về con chung: Có 01 con chung, tên là Nông Thị Kim O, sinh năm 2020, hiện nay đang sống cùng chị N. Sau khi ly hôn, cháu O sẽ sống cùng mẹ, vì anh đang đi chấp hành án nên không có khả năng để cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc chấp hành pháp luật qua kiểm sát hồ sơ từ giai đoạn thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng và đầy đủ pháp luật tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Xác định đúng thẩm quyền thụ lý và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự.

* Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, 35, 39, 147, 177, 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chảo Thị N; Chị Chảo Thị N được ly hôn anh Nông Văn T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nông Thị Kim O, sinh ngày 06/9/2020 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Không có.
- Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
- Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Chảo Thị N yêu cầu được ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với anh Nông Văn T, anh T có địa chỉ tại xóm B, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

Anh T có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chảo Thị N và anh Nông Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Cuộc sống chung của anh chị có nhiều mâu thuẫn từ cuối năm 2021 khi chị N phát hiện ra anh T sử dụng ma túy, chị N có nhắc nhở, khuyên bảo nhưng anh T không nghe nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hiện nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh T không còn nên yêu cầu được ly hôn. Về phía anh T, anh T cũng xác nhận không còn tình cảm với chị N và đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Tình cảm vợ chồng phải được xây dựng và vun đắp từ hai phía. Cuộc sống hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung đã không duy trì, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị N có yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung, cháu tên là Nông Thị Kim O, sinh ngày 06/9/2020, giới tính nữ. Hiện nay, các cháu đang sống cùng chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cha mẹ đều có trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Hiện nay, cháu O đang sống ổn định cùng chị N. Anh T đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N1, tỉnh Bắc Giang nên không có điều kiện trực tiếp thăm nom, chăm sóc con chung. Do đó, cần giao con chung cho chị N chăm nom, nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chảo Thị N; Chị Chảo Thị N được ly hôn anh Nông Văn T.

2. Về con chung:

Giao con chung tên là Nông Thị Kim O, giới tính nữ, sinh ngày 06/9/2020 cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh T không cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được phép cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Chị Chảo Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003369 ngày 25/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Hồng Trị;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TÔ THỊ THÙY NGÂN